

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 60/2014/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 19 tháng 6 năm 2014

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về hoạt động in

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về hoạt động in.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định về hoạt động in bao gồm: Điều kiện hoạt động cơ sở in; chế bản, in, gia công sau in; sao chụp (sau đây gọi là photocopy); hợp tác của các cơ sở in để chế bản, in, gia công sau in các sản phẩm in; nhập khẩu thiết bị ngành in.

Hoạt động chế bản, in, gia công sau in đối với xuất bản phẩm thực hiện theo quy định của pháp luật về xuất bản.

2. Nghị định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến hoạt động in trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì thực hiện theo điều ước quốc tế đó.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Chế bản là tạo ra bản phim, bản can, khuôn in để in hoặc bản mẫu để photocopy.

2. In là sử dụng công nghệ, thiết bị để tạo ra sản phẩm in.

3. Gia công sau in là sử dụng công nghệ, thiết bị, công cụ, chuyên môn kỹ thuật để thực hiện các công việc gia công tờ in thành sản phẩm in hoàn chỉnh theo bản mẫu.

4. Sản phẩm in là sản phẩm được tạo ra bằng công nghệ, thiết bị ngành in trên các loại vật liệu khác nhau, bao gồm:

a) Báo, tạp chí và các ấn phẩm báo chí khác theo quy định của pháp luật về báo chí;

b) Mẫu, biểu mẫu giấy tờ do cơ quan nhà nước ban hành;

c) Tem chống giả;

d) Hóa đơn tài chính, các loại thẻ, giấy tờ có sẵn mệnh giá hoặc dùng để ghi mệnh giá (không bao gồm tiền);

đ) Xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật về xuất bản;

e) Bao bì, nhãn hàng hóa;

g) Tài liệu, giấy tờ của tổ chức, cá nhân;

h) Các sản phẩm in khác.

5. Thiết bị ngành in là máy móc, công cụ để thực hiện một hoặc nhiều công đoạn chế bản, in, gia công sau in, photocopy (sau đây gọi chung là thiết bị in).

6. Cơ sở in là doanh nghiệp, hộ kinh doanh, đơn vị sự nghiệp công lập trực tiếp thực hiện đầy đủ hoặc từng công đoạn chế bản, in, gia công sau in.

7. Cơ sở dịch vụ photocopy là doanh nghiệp, hộ kinh doanh, đơn vị sự nghiệp công lập trực tiếp cung cấp dịch vụ photocopy.

8. Người đứng đầu cơ sở in, cơ sở dịch vụ photocopy là người đại diện theo pháp luật được ghi tên tại một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định bổ nhiệm của cơ quan có thẩm quyền đối với cơ sở in, cơ sở dịch vụ photocopy là đơn vị sự nghiệp công lập.

9. Chủ sở hữu cơ sở in, cơ sở dịch vụ photocopy là tổ chức, cá nhân nắm giữ vốn của cơ sở in, cơ sở dịch vụ photocopy hoặc là thành viên hợp danh trong trường hợp cơ sở in, cơ sở dịch vụ photocopy là công ty hợp danh theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

Điều 3. Chính sách của Nhà nước đối với hoạt động in

Hoạt động in là hoạt động sản xuất, kinh doanh có điều kiện. Nhà nước có chính sách đối với hoạt động in, bao gồm:

1. Khuyến khích, ưu đãi đầu tư ứng dụng công nghệ, kỹ thuật, thiết bị in tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu, sức lao động và thân thiện với môi trường; hạn chế sử dụng, không sản xuất và nhập khẩu thiết bị in có công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường.

2. Có chính sách ưu đãi về đầu tư, thuế, tiền thuê đất đối với hoạt động in phục vụ nhiệm vụ chính trị, quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ trọng yếu khác của đất nước theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nội dung quản lý nhà nước về hoạt động in

1. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chính sách đối với hoạt động in.
2. Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động in.
3. Quản lý đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về hoạt động in.
4. Quản lý công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ trong hoạt động in.
5. Quản lý hợp tác quốc tế trong hoạt động in.
6. Cấp, cấp lại, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận, xác nhận; quản lý đăng ký, hoạt động của cơ sở in và quản lý khai báo, hoạt động của cơ sở dịch vụ photocopy trong hoạt động in.
7. Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật trong hoạt động in.
8. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động in.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động in

Bộ Thông tin và Truyền thông giúp Chính phủ thống nhất thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động in trong phạm vi cả nước, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động in, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách của Nhà nước đối với hoạt động in.
2. Quản lý, tổ chức thực hiện nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ trong hoạt động in; xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động in; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ trong hoạt động in.
3. Quản lý, tổ chức thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực in.
4. Cấp, cấp lại, thu hồi các loại giấy phép, giấy chứng nhận; xác nhận đăng ký và quản lý hoạt động của cơ sở in theo thẩm quyền.

5. Hướng dẫn, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê và ban hành thống nhất các biểu mẫu sử dụng trong hoạt động in.

6. Yêu cầu tổ chức, cá nhân tạm dừng việc chế bản, in, gia công sau in đối với sản phẩm in khi phát hiện sản phẩm in đó có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

7. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan thành lập tổ chức liên ngành ở Trung ương về phòng, chống các hành vi vi phạm trong hoạt động in và lợi dụng hoạt động in để sản xuất hàng giả.

8. Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật trong hoạt động in theo quy định của pháp luật.

9. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động in theo thẩm quyền.

Điều 6. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc phối hợp thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động in

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các quy định của Nhà nước về ưu đãi đầu tư đối với hoạt động in quy định tại Điều 3 Nghị định này.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành các quy định ưu đãi về thuế, các khoản phải nộp ngân sách nhà nước đối với hoạt động in và bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật để thực hiện quy định tại Điều 3 Nghị định này.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động in.

4. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan thực hiện công tác quản lý nhà nước về bảo đảm an ninh - trật tự, phòng chống tội phạm trong hoạt động in.

5. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan thực hiện công tác quản lý nhà nước về quản lý thị trường trong hoạt động in.

6. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động in.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động in

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động in tại địa phương, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Ban hành theo thẩm quyền quy hoạch, kế hoạch phát triển hoạt động in tại địa phương; ban hành, hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật và chính sách của Nhà nước đối với hoạt động in tại địa phương;

b) Hướng dẫn, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo trong hoạt động in;

c) Cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép, giấy xác nhận; xác nhận đăng ký và quản lý hoạt động của cơ sở in; chỉ đạo việc quản lý khai báo và hoạt động của cơ sở dịch vụ photocopy tại địa phương theo thẩm quyền;

d) Thành lập tổ chức phối hợp liên ngành ở địa phương về phòng, chống các hành vi vi phạm trong hoạt động in và lợi dụng hoạt động in để sản xuất hàng giả;

đ) Yêu cầu tổ chức, cá nhân tạm dừng việc chế bản, in, gia công sau in đối với sản phẩm in khi phát hiện sản phẩm in đó có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

e) Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật trong hoạt động in tại địa phương theo quy định của pháp luật;

g) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động in theo thẩm quyền.

2. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) thực hiện quản lý khai báo và hoạt động của cơ sở dịch vụ photocopy theo thẩm quyền.

Điều 8. Trách nhiệm thông tin, báo cáo

1. Cơ sở in, cơ sở dịch vụ photocopy hoạt động theo loại hình doanh nghiệp hoặc đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm báo cáo định kỳ 06 tháng/lần hoặc đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in.

2. Cơ sở in, cơ sở dịch vụ photocopy hoạt động theo loại hình hộ kinh doanh có trách nhiệm báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in.

3. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến hoạt động in trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in khi có yêu cầu.

4. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết thủ tục, cách thức gửi báo cáo, trao đổi, cung cấp thông tin và biểu mẫu báo cáo trong hoạt động in.

Điều 9. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Chế bản, in, gia công sau in hoặc photocopy sản phẩm in, giấy tờ khác có nội dung sau đây:

a) Tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc;

b) Tuyên truyền kích động chiến tranh xâm lược, chủ nghĩa khủng bố, chủ nghĩa li khai, gây hận thù, chia rẽ giữa các dân tộc và nhân dân các nước; kích động bạo lực; truyền bá tư tưởng phản động, lối sống dâm ô, đồi trụy, hành vi tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mỹ tục;

c) Tiết lộ bí mật nhà nước, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác do pháp luật quy định;

d) Xuyên tạc sự thật lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng; xúc phạm dân tộc, danh nhân, anh hùng dân tộc; sử dụng hình ảnh bản đồ Việt Nam nhưng không thể hiện hoặc thể hiện không đúng chủ quyền quốc gia; vu khống, xúc phạm uy tín của cơ quan, tổ chức và danh dự, nhân phẩm của cá nhân.

2. Cơ sở in, cơ sở dịch vụ photocopy hoạt động nhưng không có giấy phép hoạt động in, không đăng ký hoạt động, không khai báo hoạt động theo quy định của Nghị định này.

3. Lợi dụng hoạt động chế bản, in, gia công sau in, photocopy để tạo ra, phát tán trái phép sản phẩm in có nội dung vi phạm Khoản 1 Điều này; làm giả giấy tờ của cơ quan nhà nước; trực tiếp hoặc gián tiếp sản xuất hàng giả.

4. Chế bản, in, gia công sau in, photocopy vi phạm các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ hoặc xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

5. Sử dụng thiết bị in phục vụ nội bộ để tạo ra sản phẩm in nhằm mục đích kinh doanh.

6. Sản xuất, nhập khẩu thiết bị in trái quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Các hành vi khác có liên quan bị cấm theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Xử lý vi phạm trong hoạt động in

1. Tổ chức có hành vi vi phạm quy định của Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Cá nhân có hành vi vi phạm quy định của Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ trong hoạt động chế bản, in, gia công sau in, photocopy thì bị xử lý theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

4. Sản phẩm in có sai phạm thì tùy theo tính chất, mức độ mà bị buộc khắc phục, thu hồi, tịch thu, cấm lưu hành, tiêu hủy.

5. Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình; trường hợp quyết định sai, gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương II HOẠT ĐỘNG IN

Mục 1 CƠ SỞ IN

Điều 11. Điều kiện hoạt động của cơ sở in

1. Cơ sở in thực hiện chế bản, in, gia công sau in các sản phẩm quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 4 Điều 2 Nghị định này phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, hộ kinh doanh về hoạt động in (kể cả cơ sở in hoạt động độc lập và trực thuộc doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác);

b) Có thiết bị in để thực hiện ít nhất một trong các công đoạn chế bản, in, gia công sau in;

c) Có mặt bằng để thực hiện chế bản, in, gia công sau in ngoài khu dân cư, trừ cơ sở in chỉ sử dụng công nghệ, thiết bị in la-de (laser), in phun khổ từ A0 trở xuống và cơ sở in là hộ gia đình hoạt động in lưới (lụa) thủ công;

d) Có đủ điều kiện về an ninh - trật tự, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

đ) Có chủ sở hữu là tổ chức, cá nhân Việt Nam;

e) Có người đứng đầu là công dân Việt Nam, thường trú hợp pháp tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có trình độ cao đẳng trở lên về chuyên ngành in hoặc được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in.

2. Cơ sở in thực hiện chế bản, in, gia công sau in các sản phẩm không thuộc quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 4 Điều 2 Nghị định này phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có đủ điều kiện quy định tại các Điểm a, b, c, và d Khoản 1 Điều này;

b) Có người đứng đầu thường trú hợp pháp tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và có trình độ cao đẳng trở lên về chuyên ngành in hoặc được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in.

3. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết Điểm b và Điểm c Khoản 1 Điều này.

Điều 12. Cấp giấy phép hoạt động in

1. Trước khi hoạt động, cơ sở in thực hiện chế bản, in, gia công sau in các sản phẩm quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 4 Điều 2 Nghị định này phải có hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động in gửi đến cơ quan quản lý nhà nước theo quy định sau đây:

a) Cơ sở in thuộc cơ quan, tổ chức ở Trung ương gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, chuyên phát hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Cơ sở in thuộc địa phương gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, chuyên phát hoặc nộp hồ sơ trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động in gồm có:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động in theo mẫu quy định;

b) Bản sao có chứng thực một trong các loại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký thuế, quyết định thành lập cơ sở in đối với cơ sở in sự nghiệp công lập;

c) Bản sao có chứng thực giấy tờ sở hữu hoặc thuê mua thiết bị in; trường hợp chưa có thiết bị in phải kèm theo danh mục thiết bị in dự kiến đầu tư.

Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động in, cơ sở in phải hoàn thành việc mua hoặc thuê mua đủ thiết bị theo danh mục dự kiến đầu tư, gửi bản sao chứng từ mua, thuê mua thiết bị cho cơ quan cấp giấy phép hoạt động in;

d) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng hoặc các loại giấy tờ khác chứng minh về việc giao đất, thuê đất, thuê mặt bằng, nhà xưởng để thực hiện chế bản, in, gia công sau in;

đ) Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh - trật tự do cơ quan công an có thẩm quyền cấp và giấy tờ thể hiện việc đáp ứng đủ điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

e) Sơ yếu lý lịch theo mẫu quy định của người đứng đầu cơ sở in kèm theo bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành in trở lên hoặc giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý hoạt động in do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in phải cấp giấy phép, trong đó ghi rõ nội dung hoạt động phù hợp với thiết bị của cơ sở in; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

Cơ sở in được cấp giấy phép hoạt động in không phải đăng ký hoạt động theo quy định tại Điều 14 Nghị định này.

4. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết mẫu đơn, mẫu danh mục thiết bị in dự kiến đầu tư, mẫu sơ yếu lý lịch tại các Điểm a, c và e Khoản 2, mẫu giấy phép hoạt động in quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 13. Cấp lại giấy phép hoạt động in và các trường hợp thu hồi giấy phép hoạt động in

1. Việc cấp lại giấy phép hoạt động in thực hiện như sau:

a) Cơ sở in phải đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động in trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày giấy phép hoạt động in bị mất, bị hư hỏng hoặc có một trong các thay đổi sau đây: Tên gọi của cơ sở in; địa chỉ trụ sở chính, địa chỉ sản xuất của cơ sở in; loại hình tổ chức hoạt động của cơ sở in; thành lập hoặc giải thể chi nhánh của cơ sở in; người đứng đầu cơ sở in;

b) Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép gồm có: Đơn đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu quy định; các giấy tờ chứng minh sự thay đổi trong các trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này; giấy phép hoạt động in đối với trường hợp giấy phép bị hư hỏng;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in phải cấp lại giấy phép; trường hợp không cấp lại giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

2. Giấy phép hoạt động in bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ sở in không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định này trong quá trình hoạt động mà cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in đã có văn bản yêu cầu cơ sở in tạm dừng hoạt động trong thời hạn 30 ngày để bổ sung đủ các điều kiện theo quy định;

b) Hết thời hạn 06 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động in nhưng cơ sở in không đầu tư đủ thiết bị theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 12 Nghị định này;

c) Cơ sở in không hoạt động trên 12 tháng, kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động in;

d) Cơ sở in chấm dứt hoạt động hoặc chia tách, sáp nhập, giải thể, bị phá sản.

3. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép hoạt động in.

Điều 14. Đăng ký hoạt động cơ sở in

1. Cơ sở in thực hiện chế bản, in, gia công sau in các sản phẩm in không thuộc quy định tại các Điểm a, b, c, d và đ Khoản 4 Điều 2 Nghị định này phải đăng ký hoạt động với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được cơ quan công an có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh - trật tự, cơ sở in phải gửi tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in (sau đây gọi là tờ khai đăng ký) qua dịch vụ bưu chính hoặc qua mạng Internet hoặc nộp trực tiếp tại cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in theo quy định sau đây:

a) Cơ sở in thuộc cơ quan, tổ chức ở Trung ương nộp tờ khai đăng ký cho Bộ Thông tin và Truyền thông;

b) Cơ sở in thuộc địa phương nộp tờ khai đăng ký cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Tờ khai đăng ký được lập thành 02 (hai) bản theo mẫu quy định.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có một trong các thay đổi về thông tin đã đăng ký, cơ sở in phải gửi bổ sung 02 (hai) tờ khai đăng ký thay đổi thông tin theo mẫu quy định.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai đăng ký của cơ sở in quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in có trách nhiệm xác nhận đăng ký và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu của cơ quan mình để quản lý; trường hợp không xác nhận đăng ký phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

6. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết: Mẫu tờ khai đăng ký; mẫu tờ khai thay đổi thông tin quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này; phương thức đăng ký hoạt động cơ sở in qua mạng Internet.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ sở in

1. Đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 11 Nghị định này trong quá trình hoạt động.

2. Thực hiện đúng nội dung ghi trong giấy phép hoạt động in hoặc tờ khai đăng ký hoạt động đã được cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in xác nhận.

3. Chế bản, in, gia công sau in đúng với bản mẫu của sản phẩm in và đúng với số lượng in ghi trong hợp đồng in.

4. Cập nhật đầy đủ thông tin về việc nhận chế bản, in, gia công sau in vào “Sổ quản lý ấn phẩm nhận chế bản, in, gia công sau in” theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.

5. Lưu giữ đầy đủ hồ sơ liên quan đến sản phẩm nhận chế bản, in, gia công sau in theo quy định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

6. Xuất trình hồ sơ, giấy tờ liên quan đến hoạt động của cơ sở in, sản phẩm in và giải trình đầy đủ, trung thực theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền thi hành nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật.

7. Chấp hành việc báo cáo định kỳ, đột xuất về hoạt động của cơ sở in, sản phẩm nhận chế bản, in, gia công sau in theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in.

8. Tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ quản lý hoạt động in do cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in tổ chức.

9. Báo cáo kịp thời với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in khi phát hiện sản phẩm nhận chế bản, in, gia công sau in có nội dung vi phạm Khoản 1 Điều 9 Nghị định này.

10. Tuân thủ quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; người đứng đầu cơ sở in phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của cơ sở in và sản phẩm in.

Mục 2 **NHẬN CHẾ BẢN, IN, GIA CÔNG SAU IN**

Điều 16. Điều kiện nhận chế bản, in, gia công sau in

1. Có hợp đồng in theo quy định của pháp luật hoặc phiếu đặt in theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định giữa cơ sở in với cơ quan, tổ chức, cá nhân đặt chế bản, in, gia công sau in (bao gồm việc tăng số lượng đối với từng sản phẩm in), cụ thể như sau:

a) Đối với sản phẩm in quy định tại các Điều 17, 18, 19, 20 và 21 Nghị định này phải có hợp đồng in;

b) Đối với sản phẩm in quy định tại Điều 22 Nghị định này phải có phiếu đặt in.

2. Ngoài quy định tại Khoản 1 Điều này, cơ sở in chỉ được nhận chế bản, in, gia công sau in khi cơ quan, tổ chức, cá nhân đặt in cung cấp đủ các giấy tờ sau đây:

a) Bản mẫu của sản phẩm đặt in đã được đóng dấu hoặc chữ ký của tổ chức, cá nhân có sản phẩm đặt in;

b) Giấy tờ liên quan đến sản phẩm nhận in theo quy định các Điều 17, 18, 19, 20, 21 và 22 Nghị định này và các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan;

c) Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn của người đến giao dịch đặt in (xuất trình bản chính để đối chiếu).

Điều 17. Nhận chế bản, in, gia công sau in ấn phẩm báo chí

Cơ sở in chỉ được nhận chế bản, in, gia công sau in khi tổ chức, cá nhân đặt in cung cấp các loại giấy tờ theo quy định sau đây:

1. Bản sao có chứng thực giấy phép hoạt động báo chí đối với sản phẩm in là báo, tạp chí.

2. Bản sao có chứng thực giấy phép xuất bản bản tin đối với sản phẩm in là bản tin và các ấn phẩm báo chí khác.

Điều 18. Nhận chế bản, in, gia công sau in mẫu, biểu mẫu giấy tờ của cơ quan nhà nước

Cơ sở in chỉ được nhận chế bản, in, gia công sau in khi tổ chức, cá nhân đặt in cung cấp các loại giấy tờ theo quy định sau đây:

1. Văn bản đồng ý đặt chế bản, in, gia công sau in của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành mẫu đối với sản phẩm in là chứng minh thư, hộ chiếu, giấy tờ tùy thân, văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Văn bản đồng ý đặt chế bản, in, gia công sau in của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành mẫu, biểu mẫu giấy tờ đối với sản phẩm in là mẫu, biểu mẫu giấy tờ khác của cơ quan nhà nước.

Điều 19. Nhận chế bản, in, gia công sau in hóa đơn tài chính, các loại thẻ, giấy tờ có sẵn mệnh giá hoặc dùng để ghi mệnh giá

Cơ sở in chỉ được nhận chế bản, in, gia công sau in khi tổ chức, cá nhân đặt in cung cấp các loại giấy tờ theo quy định sau đây:

1. Đối với sản phẩm in là hóa đơn tài chính, ngoài việc tuân thủ các quy định của pháp luật về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, phải có thêm bản sao có chứng thực một trong các loại giấy chứng nhận sau đây:

- a) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- c) Giấy chứng nhận đầu tư;
- d) Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

2. Đối với sản phẩm in là các loại thẻ, giấy tờ có sẵn mệnh giá hoặc để ghi mệnh giá phải có:

a) Bản sao có chứng thực một trong các loại giấy chứng nhận quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều này chứng minh có ngành, nghề phù hợp với sản phẩm đặt in;

b) Văn bản đồng ý đặt chế bản, in, gia công sau in của cơ quan, tổ chức ban hành loại thẻ, giấy tờ đó.

Điều 20. Nhận chế bản, in, gia công sau in tem chống giả

1. Đối với tem chống giả do cơ quan nhà nước ban hành phải có bản sao có chứng thực quyết định ban hành mẫu tem chống giả.

- 2. Đối với tem chống giả do tổ chức, cá nhân phát hành nhằm bảo vệ sản phẩm, hàng hóa của mình phải có:

a) Văn bản đồng ý đặt chế bản, in, gia công sau in của tổ chức, cá nhân ban hành tem chống giả;

b) Bản sao có chứng thực một trong các loại giấy chứng nhận quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều 19 Nghị định này, chứng minh có ngành, nghề phù hợp với sản phẩm đặt in.

Điều 21. Nhận chế bản, in, gia công sau in bao bì, nhãn hàng hóa

1. Đối với sản phẩm in là bao bì, nhãn sản phẩm, hàng hoá phải có một trong các loại giấy chứng nhận quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều 19 Nghị định này, chứng minh có ngành, nghề phù hợp với sản phẩm, hàng hóa đó.

2. Trường hợp sản phẩm in là bao bì, nhãn sản phẩm, hàng hóa là dược phẩm, hoá dược, thuốc chữa bệnh, ngoài quy định tại Khoản 1 Điều này còn phải có giấy tờ chứng minh số đăng ký đã được cơ quan quản lý nhà nước về y tế có thẩm quyền cấp.

Điều 22. Nhận chế bản, in, gia công sau in các sản phẩm in khác

Cơ sở in chỉ được nhận chế bản, in, gia công sau in sản phẩm không thuộc quy định tại các Điều 17, 18, 19, 20 và 21 cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khi có đủ điều kiện quy định tại Điểm a và Điểm c Khoản 2 Điều 16 Nghị định này.

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết danh mục và điều kiện nhận chế bản, in, gia công sau in các sản phẩm in khác phù hợp với quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.

Mục 3

CHẾ BẢN, IN, GIA CÔNG SAU IN CHO NƯỚC NGOÀI VÀ HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC CỦA CÁC CƠ SỞ IN

Điều 23. Chế bản, in, gia công sau in cho nước ngoài

1. Cơ sở in chỉ được nhận chế bản, in, gia công sau in cho tổ chức, cá nhân nước ngoài loại sản phẩm in phù hợp với nội dung ghi trong giấy phép hoạt động in hoặc nội dung đã được xác nhận đăng ký hoạt động.

2. Các sản phẩm in sau đây khi nhận chế bản, in, gia công sau in cho tổ chức, cá nhân nước ngoài phải được cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in cấp giấy phép:

a) Báo, tạp chí và các ấn phẩm báo chí khác;

- b) Mẫu, biểu mẫu giấy tờ của cơ quan, tổ chức;
- c) Tem chống giả;
- d) Hóa đơn tài chính, các loại thẻ, giấy tờ có sẵn mệnh giá hoặc dùng để ghi mệnh giá;
- đ) Các sản phẩm in khác có nội dung về chính trị, lịch sử, địa lý, tôn giáo, địa giới hành chính Việt Nam.

3. Cơ sở in nhận chế bản, in, gia công sau in cho tổ chức, cá nhân nước ngoài sản phẩm in quy định tại Khoản 2 Điều này phải có hồ sơ đề nghị cấp giấy phép gửi Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

4. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép gồm có:

- a) Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu quy định;
- b) 02 (hai) bản mẫu sản phẩm nhận chế bản, in, gia công sau in.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải cấp giấy phép, trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

6. Cơ sở in chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc in sản phẩm in gia công. Tổ chức, cá nhân đặt chế bản, in, gia công sau in chịu trách nhiệm về bản quyền đối với sản phẩm in.

7. Sản phẩm in gia công cho tổ chức, cá nhân nước ngoài phải xuất khẩu 100%; trường hợp phát hành, sử dụng tại Việt Nam thì phải làm thủ tục nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

8. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về mẫu đơn, mẫu giấy phép in gia công quy định tại Điểm a Khoản 4 và Khoản 5 Điều này.

Điều 24. Hoạt động hợp tác của các cơ sở in

1. Sau khi có văn bản chấp thuận của tổ chức, cá nhân có sản phẩm đặt in, cơ sở in được hợp tác với cơ sở in khác để thực hiện chế bản, in, gia công sau in đối với từng sản phẩm.

2. Việc hợp tác giữa các cơ sở in phải có hợp đồng theo quy định của pháp luật, trong đó ghi đủ các thông tin cơ bản sau đây:

- a) Tên sản phẩm in, kích thước thành phẩm;
- b) Công đoạn chế bản, in, gia công sau in được hợp tác;
- c) Số lượng sản phẩm in được hợp tác theo từng công đoạn;

d) Trách nhiệm thực hiện hợp đồng của từng bên;

đ) Các thông tin khác (nếu có).

3. Yêu cầu đối với cơ sở in được hợp tác:

a) Có giấy phép hoạt động in hoặc đã được xác nhận đăng ký hoạt động theo quy định tại Nghị định này;

b) Chỉ nhận hợp tác sau khi được cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan đến sản phẩm nhận in theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 của Luật Xuất bản, các Điều 17, 18, 19, 20, 21, 22 và 23 Nghị định này;

c) Không được hợp tác với cơ sở in khác để thực hiện chế bản, in, gia công sau in đối với sản phẩm in do mình đã nhận hợp tác;

d) Thực hiện đúng số lượng sản phẩm in ghi trong hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này;

đ) Tuân thủ quy định tại Khoản 4 Điều 35 của Luật Xuất bản, Điều 15 Nghị định này.

Mục 4 **CƠ SỞ DỊCH VỤ PHOTOCOPY**

Điều 25. Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy

1. Chậm nhất 10 ngày trước khi hoạt động, cơ sở dịch vụ photocopy phải khai báo với Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Việc khai báo hoạt động của cơ sở dịch vụ photocopy thực hiện theo quy định sau đây:

a) Cơ sở dịch vụ photocopy gửi tờ khai qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát hoặc nộp trực tiếp tại Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Tờ khai được lập thành 02 (hai) bản theo mẫu quy định.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có một trong các thay đổi về thông tin đã khai báo, cơ sở dịch vụ photocopy phải gửi tờ khai thay đổi thông tin theo mẫu quy định.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cập nhật thông tin trong tờ khai vào cơ sở dữ liệu của cơ quan mình để quản lý.

5. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết mẫu tờ khai quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

Điều 26. Trách nhiệm của cơ sở dịch vụ photocopy

1. Thực hiện khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.
2. Hoạt động đúng địa điểm đã khai báo.
3. Chấp hành các yêu cầu quản lý của cơ quan quản lý nhà nước.
4. Xuất trình hồ sơ, giấy tờ liên quan đến hoạt động của cơ sở dịch vụ photocopy và chấp hành việc giải trình, báo cáo đầy đủ, trung thực theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền thi hành nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra theo quy định của pháp luật.
5. Báo cáo kịp thời với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in khi phát hiện giấy tờ, tài liệu nhận photocopy có nội dung vi phạm Khoản 1 Điều 9 Nghị định này.
6. Tuân thủ quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; người đứng đầu cơ sở dịch vụ photocopy phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của cơ sở dịch vụ photocopy.

Mục 5 NHẬP KHẨU VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG THIẾT BỊ IN

Điều 27. Nhập khẩu thiết bị in

1. Thiết bị in sau đây khi nhập khẩu phải có giấy phép của Bộ Thông tin và Truyền thông:
 - a) Máy chế bản ghi phim, ghi kẽm, tạo khuôn in;
 - b) Máy in sử dụng công nghệ kỹ thuật số, ốp-xét (offset), flexo, ống đồng; máy in lưới (lụa);
 - c) Máy dao xén giấy, máy gấp sách, máy đóng sách (đóng thép hoặc khâu chỉ), máy vào bìa, máy kỹ mã liên hợp, dây chuyền liên hợp hoàn thiện sản phẩm in;
 - d) Máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu.
2. Đối tượng được nhập khẩu thiết bị in bao gồm:
 - a) Cơ sở in;

b) Doanh nghiệp có chức năng kinh doanh xuất nhập khẩu thiết bị ngành in theo quy định của pháp luật;

c) Cơ quan, tổ chức khác có tư cách pháp nhân được phép sử dụng thiết bị in để phục vụ công việc nội bộ.

3. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết chủng loại thiết bị in nhập khẩu phù hợp với sự phát triển của công nghệ, thiết bị in trong từng thời kỳ.

Điều 28. Thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị in

1. Trước khi nhập khẩu, đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 27 Nghị định này phải có hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị in gửi Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu theo mẫu quy định;

b) Ca-ta-lô (catalogue) của từng loại thiết bị in;

c) Bản sao có chứng thực:

Giấy phép hoạt động in hoặc tờ khai đăng ký hoạt động cơ sở in đã được xác nhận theo quy định tại Khoản 5 Điều 14 đối với cơ sở in quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 27 Nghị định này.

Một trong các loại giấy chứng nhận quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều 19 Nghị định này đối với doanh nghiệp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 27 Nghị định này.

Quyết định thành lập đối với cơ quan, tổ chức quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 27 Nghị định này.

3. Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông phải cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị in; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

4. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết mẫu đơn, mẫu giấy phép nhập khẩu quy định tại Điểm a Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

Điều 29. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân nhập khẩu thiết bị in

1. Nhập khẩu đúng với nội dung ghi trong giấy phép nhập khẩu.

2. Không được sửa chữa, tẩy xóa, chuyển nhượng giấy phép nhập khẩu thiết bị in.

3. Tuân thủ quy định về nhập khẩu thiết bị in tại Nghị định này, các quy định khác của pháp luật có liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc nhập khẩu thiết bị in.

Điều 30. Quản lý sử dụng thiết bị in

1. Thiết bị in chỉ được sử dụng để sản xuất, kinh doanh khi có đủ các điều kiện hoạt động in theo quy định của pháp luật.

2. Đối với máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu, ngoài việc phải đăng ký sử dụng theo quy định tại Khoản 3 Điều này phải tuân thủ quy định sau đây:

a) Máy photocopy màu chỉ được sử dụng phục vụ công việc nội bộ của cơ quan, tổ chức, không được sử dụng để kinh doanh dưới mọi hình thức;

b) Máy in có chức năng photocopy màu chỉ được sử dụng để sản xuất trong cơ sở in có đủ các điều kiện hoạt động in theo quy định của Nghị định này.

3. Việc đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu thực hiện như sau:

a) Cơ quan, tổ chức, cơ sở in phải gửi hồ sơ đăng ký máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước khi sử dụng;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải xác nhận đăng ký bằng văn bản; trường hợp không xác nhận phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

4. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết hồ sơ, mẫu giấy xác nhận đăng ký sử dụng, chuyển nhượng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu quy định tại Khoản 3 Điều này.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2014.

2. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, văn bản quy phạm pháp luật sau đây hết hiệu lực:

a) Nghị định số 105/2007/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về hoạt động in các sản phẩm không phải là xuất bản phẩm;

b) Nghị định số 72/2011/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 11/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2009 và Nghị định số 105/2007/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ về hoạt động in các sản phẩm không phải là xuất bản phẩm.

Điều 32. Quy định chuyển tiếp

1. Chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận về nghiệp vụ quản lý in đã cấp cho người đứng đầu cơ sở in trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được sử dụng để làm thủ tục cấp, cấp lại giấy phép hoạt động in, đăng ký hoạt động cơ sở in.

2. Cơ sở in, cơ sở dịch vụ photocopy hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phải làm thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động in; hoàn thành việc đăng ký, khai báo hoạt động theo quy định sau đây:

a) Đối với cơ sở in có giấy phép hoạt động in phải làm thủ tục đề nghị cấp lại giấy phép chậm nhất là ngày 01 tháng 11 năm 2015;

b) Đối với cơ sở in không thuộc loại phải có giấy phép hoạt động in và cơ sở dịch vụ photocopy phải hoàn thành việc đăng ký, khai báo hoạt động chậm nhất là ngày 01 tháng 11 năm 2015.

Trong thời gian thực hiện các quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này, cơ sở in, cơ sở dịch vụ photocopy vẫn được tiếp tục hoạt động.

3. Cơ sở in quy định tại Khoản 2 Điều này phải đáp ứng các điều kiện về hoạt động của cơ sở in, trừ điều kiện về mặt bằng quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 11 Nghị định này.

4. Cơ sở in hoạt động trong khu dân cư trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành ngoài việc thực hiện quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này còn phải di dời ra ngoài khu dân cư trước năm 2025.

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết lộ trình di dời ra ngoài khu dân cư đối với từng loại cơ sở in.

Điều 33. Trách nhiệm thi hành

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

2. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành các điều, khoản, điểm được giao trong Nghị định này./,

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b).KN 240

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng